

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTCl+P6+P4	7:25	22+0+0	0+0+0		21+0+1	0+0+0	chuyen 1 ttcl-p6
2		AMD+HSD	7:25	19+3	0+0		19+3	0+0	
3		CTK3+PVD2	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
4		P4+P7	9:25	8+13	0+0		5+17	0+0	
5		PVD2+P3	9:25	9+13	0+0		6+16	0+0	
6		MRM+TD3+AMD	9:25	5+2+15	0+0+0		0+3+18	0+0+0	
7		P5+P4	11:25	14+8	0+0		12+10	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2021	TO: TTC1 - P6 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - Dương - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO HUU NAM	P4	43-44	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN VINH	P4	64	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN SI TUAN	P4					62	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAO MINH TUAN	P4	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN CHIẾN	P4	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	58	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG KHAC DU	P4	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	MARJIEV M. M-C.	P4	45-46	2	10	80	80	KH-THAC	Russian
9	TRAN NGUYEN BAO MINH	P4	47	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	VLASOV A. M.	P4	50-51	2	10		88	KH-THAC	Russian
11	PHAN ANH ĐỨC	P4	63	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
12	LAM VAN PHUC	P4	48	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ĐANG NGUYEN	P4	52	1	4		76	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG DIEN	P4	49	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYEN VU HUNG	P4	53	1	7		63	D-HANH	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THUONG	P4	100	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
17	LAM XUAN HAI	P4	99	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRUONG THANH	P4	41	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH HAI	P4	54	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI THANH CAM	P4	55-56	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

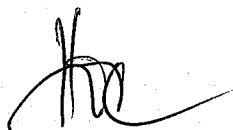
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	0	0	0	0	20	0	2	CHUYEN 2 PAX TTC1 SANG P6
2	P6	0	0	0	0	15	1		
3	P4	20	23	135	1.430	80	21		
TOTAL		20	23	135	1.430	115	22		
WEIGHT KG				135	1.430	115			

GRAND TOAL: 1.680 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: AMD - HSD	CREW: Hồi - Mạnh - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN HÓA	AMD	26	1	5	90	73	PSV	Vietnamese
2	PHẠM TUÂN HÀ	AMD	27	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯỜNG THÈ HIẾN	AMD	21-22	2	19		69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	09	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM ANH NGƯ	AMD	15	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG THANH	AMD	06	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	08	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ BA THANH	AMD	07	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THANH HUNG	AMD	23-24	2	20		61	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	16	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG KIẾN	AMD	04	1	11		93	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG VIỆT	AMD	20	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	05	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC NHÀ	AMD	25	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO SY DUC	AMD	18-19	2	20		80	HLJOC	Vietnamese
16	DO VAN THAO	AMD	17	1	10		70	HLJOC	Vietnamese
17	LÊ THANH TÂN	AMD	12-13	2	15	12	75	HAVIET	Vietnamese
18	LÊ VĂN TÍNH	AMD	10-11	2	17		55	HAVIET	Vietnamese
19	TRẦN TRỌNG XUÂN	AMD	02-03	2	14		60	HAVIET	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HSD	22-23	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ VIỆT PHƯƠNG	HSD	24	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NHÀ	HSD	25-26	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

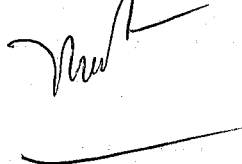
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	25	202	1.316	102	19		
2	HSD	3	5	31	216	0	3		
TOTAL		22	30	233	1.532	102	22		
WEIGHT KG				233	1.532	102			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

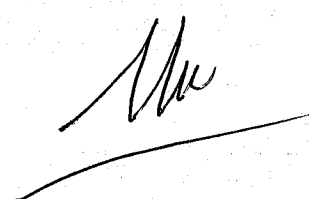
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: CTK3 - PVD2	CREW: VThắng - N.Anh - HIẾU	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIRSAYAPOV R.R.	CTK3	03	1	5		105	D-HANH	Russian
2	LÊ TUẤN VŨ	CTK3	05	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN BA CUÔNG	CTK3	04	1	4		81	ANTOAN	Vietnamese
4	TRAN DAI DUONG	PVD2	98	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VIET TRUNG	PVD2	97	1	14		83	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VAN QUYET	PVD2	93	1	10		83	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VIET ANH	PVD2	35-36	2	16		85	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG TRONG CHUC	PVD2	22	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN MANH	PVD2	25	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
10	VU VAN QUYNH	PVD2	26	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
11	DINH VAN CHAO	PVD2	30	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUONG	PVD2	96	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THE DUONG	PVD2	27	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG TRONG QUYNH	PVD2	95	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DINH CHUNG	PVD2	34	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
16	LE THANH NGOC	PVD2	24	1	7		48	KHOAN	Vietnamese
17	DUONG QUOC VINH	PVD2	33	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CU	PVD2	94	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
19	DO MINH THANH	PVD2	31-32	2	13		74	KHOAN	Vietnamese
20	DANG VAN THUC	PVD2	29	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN PHUNG QUE	PVD2	28	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
22	DINH TIEN HUU	PVD2	23	1	5		66	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	3	3	14	249	0	0		
2	PVD2	19	21	150	1.404	0	22		
TOTAL		22	24	164	1.653	0	22		
WEIGHT KG				164	1.653	0			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT:	TO: P4 - P7	CREW: Hạnh - Dương - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC MINH	P4	68	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG TÍNH	P4	67	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	71-72	2	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	75	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TÂM	P4	69-70	2	16		70	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH NAM	P4	76-77	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU THANH	P4				20	65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HỮU TÍNH	P4	66	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THANH LIÊM	P4	73	1	8		68	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P7	94	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI VĂN SƠN	P7	93	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI TRỌNG NGHĨA	P7	89	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	LÂM ĐĂNG GIANG	P7					77	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG MẠNH CUÔNG	P7	98	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI CÔNG LAN	P7	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN TIẾN HIỆP	P7	96	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRÌNH VĂN PHƯỢNG	P7					81	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC SƠN	P7	95	1	5	70	70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI THẾ DIỄN	P7	97	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
20	MAI VĂN TOÀN	P7	91	1	12		62	PSV	Vietnamese
21	ĐẠO TUẤN CHỦ	P7	92	1	4		69	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HIỀN	P7	99	1	5		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	9	11	68	614	20	5		
2	P7	13	11	81	904	70	17		
TOTAL		22	22	149	1.518	90	22		
WEIGHT KG				149	1.518	90			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	TO: PVD2 - P3	CREW: Hồi - Mạnh - MQUÂN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO DUC NGOC	PVD2	16	1	14		64	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN XUAN NHAT	PVD2	07	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DUAN	PVD2	08	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
4	DAO VAN TAM	PVD2	06	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MINH VU	PVD2	03-04	2	16		74	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VAN THIET	PVD2	05	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
7	LE QUANG DAO	PVD2	200	1	5		61	PSV	Vietnamese
8	TONG VAN DAT	PVD2	02	1	4		62	PSV	Vietnamese
9	PHAN THANH TINH	PVD2	21,80	2	20		65	DVL	Vietnamese
10	PHAN VAN DAT	P3	30-31	2	13		78	PVDTRAIN	Vietnamese
11	PHAM VAN LAM	P3	32-33	2	20		61	PVDTRAIN	Vietnamese
12	VAN MINH TAN	P3	23	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH PHONG	P3	26	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
14	LAM TUAN KHAI	P3	29	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
15	LE KHAI DAT	P3	27-28	2	19		97	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG TRUNG	P3	25	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
17	SAGIROV M. S.	P3	21	1	9		73	KH-THAC	Russian
18	HOANG SY NGOC	P3	22	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
19	CHAU DINH TU	P3					76	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN CONG THANH	P3	24	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
21	VU VAN QUANG	P3	34	1	6	95	65	T-TIN	Vietnamese
22	DOAN MINH QUOC	P3	35	1	9		83	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	9	11	95	599	0	6		
2	P3	13	15	121	935	95	16		
TOTAL		22	26	216	1.534	95	22		
WEIGHT KG				216	1.534	95			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: MRM - TD3 - AMD	CREW: VThắng - N.Anh - N.Nam	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN NGHĨA	MRM	85	1	14		87	DVL	Vietnamese
2	KIỀU TUÂN ANH	MRM	86	1	10		89	DVL	Vietnamese
3	LƯU ĐÌNH TRỌNG	MRM	81-82	2	22		76	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC BẢO	MRM	83-84	2	20		82	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN PHỤNG	AMD	78	1	10	20	74	HAVIET	Vietnamese
6	BUI SỸ VỤ	AMD	76	1	10		65	HAVIET	Vietnamese
7	PHAN VĂN THANH	AMD	81	1	7		59	HAVIET	Vietnamese
8	LƯU VĂN QUANG	AMD	77	1	13		65	HAVIET	Vietnamese
9	MAI QUANG MINH	AMD	79-80	2	15		62	HAVIET	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH HOANG	AMD	64-65	2	15		89	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	66	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN KHANH	AMD	56	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM ANH ĐỨC	AMD	55	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO QUY HỘI	AMD	57-59	3	16		73	PHATECO	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TUÂN	AMD	67-68	2	15		76	PHATECO	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG SƠN	AMD	60	1	11		65	PHATECO	Vietnamese
18	KHUC NGOC HIẾU	AMD	69-70	2	16	65	90	PHATECO	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC ANH	AMD	62-63	2	9		78	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

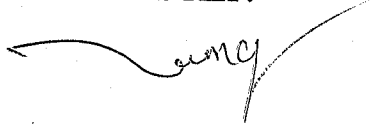
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	4	6	66	334	0	0		
2	TD3	0	0	0	0	0	4		
3	AMD	15	22	169	1.070	85	18		
TOTAL		19	28	235	1.404	85	22		
WEIGHT KG				235	1.404	85			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT:	TO: P5 - P4	CREW: Hạnh - NPhú - Huy	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	44	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO ĐÌNH HUY	P5	40	1	8	60	84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NGOC	P5	33	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG VĂN THANH	P5	43	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN ĐÌNH PHÁC	P5	38-39	2	9		69	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN CAO MẠNH	P5	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN TOÀN	P5	32	1	14		58	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔNG XUÂN SINH	P5	37	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH TỬ	P5	35	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	41	1	8		88	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐOÀN BÌNH	P5	36	1	10		66	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P5	31	1	4		67	PSV	Vietnamese
13	ĐỖ KHẮC ĐÀ	P5	34	1	5		67	PSV	Vietnamese
14	ĐÀO XUÂN THANH	P5	42	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	HUYNH HỮU THẮNG	P4	80	1	4		72	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN THANH	P4	84	1	7		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	78	1	5		62	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	81	1	5		64	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN AI	P4	83	1	5		55	PSV	Vietnamese
20	PHẠM XUÂN HÙNG	P4	79	1	8		80	PSV	Vietnamese
21	BUI VĂN MUOI	P4	82	1	4		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	14	15	100	991	60	12		
2	P4	7	7	38	458	0	10		
TOTAL		21	22	138	1.449	60	22		
WEIGHT KG				138	1.449	60			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN